

Số: 890 /BC-QLB

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc: **Tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam**

Kính gửi:

- Bộ Giao thông Vận tải
- Bộ Kế hoạch đầu tư

Căn cứ Nghị định số: 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ về chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 1472/QĐ-BGTVT ngày 13/5/2016 và số 2379/QĐ-BGTVT ngày 01/08/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số: 457/QĐ-BGTVT ngày 12/03/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Thực hiện Công văn số: 1194/BGTVT-QLDN ngày 08/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc giám sát, kiểm tra thực hiện kế hoạch đã được giao cho các Tổng công ty, Công ty do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (Tổng công ty) xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU ĐƯỢC GIAO:

Với đặc thù chức năng, nhiệm vụ chính là cung ứng các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (dịch vụ công ích), Tổng công ty đánh giá tổng quát tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Lĩnh vực điều hành bay:

- Tổng công ty trong giai đoạn vừa qua đã quyết liệt triển khai thực hiện

các công việc liên quan đến việc tổ chức lại vùng trời trong môi trường CNS/ATM mới, điều chỉnh khu vực trách nhiệm của các cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay theo lưu lượng và tính chất hoạt động bay như:

+ Bổ sung thêm phân khu kiểm soát cho Trung tâm Kiểm soát không lưu (ATCC) Hà Nội từ 2 phân khu lên 4 phân khu; Phân chia vùng trời kiểm soát tiếp cận sân bay Tân Sơn Nhất; Thành lập Trung tâm Tiếp cận- Tại sân Cam Ranh; Tổ chức vùng trời, khu vực trách nhiệm, cơ sở điều hành bay tại sân bay Vân Đồn; Thiết lập và đưa vào khai thác các vị trí cấp huấn lệnh trước khởi hành tại Đài Kiểm soát không lưu (TWR) Tân Sơn Nhất và TWR Nội Bài; Quy hoạch vùng trời khu vực miền Trung; Điều chỉnh ranh giới trách nhiệm các phân khu và thiết lập Phân khu 6 tại Trung tâm Kiểm soát đường dài (ACC) Hồ Chí Minh;

+ Áp dụng phân cách giám sát (ATS) tối thiểu 3NM trong khu vực vùng trời trách nhiệm của Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận- Tại sân (APP) Tân Sơn Nhất, vùng trời trung tâm (TMA) Đà Nẵng và các công nghệ điều hành bay mới của thế giới đã được áp dụng;

+ Công tác thiết lập, điều chỉnh đường hàng không được chú trọng triển khai như: Đường hàng không song song một chiều trục Bắc- Nam (Q1 và Q2) áp dụng phương thức bay mới sử dụng phương pháp dẫn đường khu vực (RNAV) 5 thay thế đường hàng không hai chiều W1 đã giải quyết tình trạng quá tải, xung đột luồng đi, đến và tiết kiệm chi phí, tăng mức an toàn, nâng gấp đôi năng lực thông qua tàu bay trên trục bay Bắc- Nam. Nhiều đường hàng không và hành lang bay khác cũng được thiết lập (các đường hàng không Q11, Q12, Q14 đi/đến sân bay Vân Đồn, hành lang bay Q10 RNAV 2). Hàng loạt phương thức bay mới, phương thức dẫn đường theo tính năng (PBN) đã được xây dựng để tăng năng lực điều hành theo lộ trình PBN như: RNAV 1 tại Cảng Hàng không quốc tế (Cảng HKQT) Tân Sơn Nhất, phương thức bay đi/đến (SID/STAR) RNAV 1 tại Cảng HKQT Nội Bài, Phú Bài và Đà Nẵng, RNP APCH tại Cảng Hàng không quốc tế (Cảng HKQT) Cam Ranh, PBN Vân Đồn,...

- Liên tục trong những năm qua, sản lượng điều hành bay tăng nhanh từ 700.000, 800.000 và hơn 900.000 lần chuyến vào các năm 2016, 2017 và 2019. Đến nay, năng lực của toàn hệ thống trong dây chuyền cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đã đạt được chỉ tiêu đáp ứng điều hành trên 1.500.000 lần chuyến/năm. Bên cạnh đó, công tác quản lý luồng không lưu (ATFM) tại Việt Nam đã được triển khai mạnh mẽ: Đã hoàn thiện dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai ATFM tại Việt Nam, thử nghiệm khai thác ATFM phân phối đa điểm nút mức 2 với một số quốc gia trong khu vực, hiện Tổng

công ty đang tích cực chuẩn bị áp dụng mức 3.

- Ngoài việc điều hành an toàn hàng trăm ngàn lần chuyến/năm, Tổng Công ty tích cực phối hợp cùng các lực lượng quân đội, nhất là lực lượng phòng không, không quân tham gia canh giữ bảo vệ vùng trời, chủ quyền biển đảo và đặc biệt trong việc bảo đảm điều hành bay an toàn tuyệt đối hàng trăm lần chuyến chuyên cơ/năm, chở các nguyên thủ và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam tham dự các sự kiện trọng đại như: Hội nghị cấp cao APEC 2017 tại Đà Nẵng; Hội nghị thượng đỉnh Mỹ- Triều lần hai tại Hà Nội....

II. Lĩnh vực đảm bảo an toàn, an ninh hàng không:

Tổng Công ty đã chủ động ban hành các văn bản thực hiện các giải pháp chiến lược và chiến thuật nhằm giảm thiểu rủi ro trên cơ sở nhận diện mối nguy hiểm, đánh giá rủi ro an toàn trong toàn Tổng Công ty; tiếp tục hoàn thiện Bộ chỉ số an toàn; hoàn thiện xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo an toàn và Quy chế tổ chức, hoạt động của các Nhóm công tác An toàn (SAG); hoàn thiện xây dựng và ban hành Tài liệu Hệ thống Quản lý mệt mỏi cho KSVKL; ban hành Quy trình Nhận dạng mối nguy hiểm và giảm thiểu rủi ro.

Các cơ quan, đơn vị trong Tổng công ty tích cực đề ra nhiều giải pháp về xây dựng và vận hành Hệ thống quản lý an toàn (SMS); triển khai thực hiện 7 phương thức, quy trình kiểm tra đánh giá, giám sát và quản lý an toàn, các nhóm giải pháp nhằm đảm bảo an toàn. Các chỉ số an toàn thực hiện của Tổng Công ty có giá trị tốt hơn giá trị mức độ an toàn chấp nhận được (AloS); các mối nguy hiểm được cơ quan, đơn vị quản lý chủ động theo “Danh mục phân lớp các mối nguy hiểm, rủi ro cần quản lý thuộc lĩnh vực không lưu” đều ở mức độ chấp nhận được. Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan công an, quân đội và các cảng hàng không, sân bay có liên quan để nắm vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn hoạt động. Đồng thời, tổ chức tốt việc ký Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh hàng không với các cơ quan, đơn vị liên quan, cụ thể như: Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam; Công an thành phố Hà Nội; Công an thành phố Hồ Chí Minh; Công an thành phố Cà Mau; Cục An ninh mạng (A68); v.v.

Đã hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng (QMS) các lĩnh vực thiết kế phương thức bay, thông báo tin tức hàng không, thủ tục bay tại 04 Cảng HKQT lớn (Nội Bài; Đà Nẵng; Cam Ranh; Tân Sơn Nhất). Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo đảm ANHK được hoàn thiện. Công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát, phối hợp bảo đảm ANHK tại các khu vực hạn chế được thực hiện tốt.

Trong năm 2020, với sự bùng phát và ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, Tổng công ty đã kịp thời xây dựng, triển khai, áp dụng kịp thời các giải pháp cấp bách, toàn diện, đồng bộ trong toàn Tổng công ty- đặc biệt tại các cơ sở cung cấp dịch điều hành bay nhằm ứng phó với từng cấp độ lây lan của dịch bệnh, đảm bảo công tác điều hành bay được liên tục, an toàn và hiệu quả.

III. Lĩnh vực bảo đảm kỹ thuật:

Các đơn vị trong Tổng Công ty thực hiện tốt quy định quản lý kỹ thuật; tổ chức khai thác, đảm bảo hoạt động ổn định cho các thiết bị kỹ thuật, kịp thời khắc phục các sự cố, duy trì thông tin liên lạc thông suốt phục vụ tốt công tác điều hành bay. Công tác kỹ thuật đã cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển trong giai đoạn 2016- 2019. Tổng Công ty không ngừng nghiên cứu cải tiến và đầu tư các hệ thống kỹ thuật CNS/ATM theo Chương trình nâng cấp các khối hệ thống hàng không (ASBU) của ICAO, kế hoạch Seamless ATM khu vực Châu Á- Thái Bình Dương và kế hoạch phát triển tổng thể các hệ thống CNS/ATM được Bộ GTVT phê duyệt, các kết quả chính đạt được:

- Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và quản lý nội bộ chuyên ngành kỹ thuật được quan tâm chỉ đạo, đem lại sự nhất quán, đồng bộ, hiện đại trong các hoạt động kỹ thuật từ khâu đầu tư lắp đặt thiết bị mới, đến khâu vận hành khai thác, cụ thể: (1) Hoàn thành việc xây dựng Quy chế an toàn, an ninh thông tin và Quy chế Quản lý Khoa học và công nghệ; Tu chỉnh Quy định Quản lý kỹ thuật,... (2) Hoàn thiện xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật khai thác các cơ sở: Đài KSKL Phú Bài; Tân Sơn Nhất, Trạm Radar Nội Bài; Sơn Trà; Tân Sơn Nhất...

- Đã triển khai các trạm VHF A/G tại Trường Sa Lớn, Song Tử Tây và Chu Lai, bổ sung các tần số điều hành tại các khu vực có mật độ cao (ACC Hồ Chí Minh, ACC Hà Nội, APP Nội Bài, APP Tân Sơn Nhất, APP Đà Nẵng); tổ chức, bố trí lại các thiết bị VHF A/G tại Tân Sơn Nhất, Quy Nhơn, Sơn Trà 1, Sơn Trà 2, ADS-B Đà Nẵng, ADS-B Cam Ranh; triển khai hệ thống xử lý dữ liệu giám sát tại APP/TWR Cam Ranh với đầy đủ tính năng giám sát, cảnh báo;....

- Đưa vào khai thác các hệ thống: Radar PSR/SSR Sơn Trà 2 góp phần tăng cường, dự phòng tầm phủ giám sát tại các khu vực sân bay có mật độ bay cao. Triển khai thử nghiệm, khai thác kết nối AIDC giữa ACC Hồ Chí Minh và ACC Hà Nội; giữa các ACC trong nước với các ACC lân cận. Đưa vào khai thác hệ thống AHMS với mục tiêu thay thế mạng AFTN. Tiếp nhận, khai thác ổn định, bổ sung vật tư dự phòng cho các hệ thống kỹ thuật khí tượng tiếp nhận từ

Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam. Triển khai hợp tác quốc tế với Nhật Bản nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng công nghệ giám sát đa điểm (MLAT) tại Cảng Hàng không Phú Quốc.

- Công tác hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực kỹ thuật tiếp tục được đẩy mạnh, tăng cường. Tổng Công ty tham gia các hội nghị, hội thảo do ICAO khu vực tổ chức, các hội nghị song phương, đa phương với các quốc gia trong khu vực để thực hiện các giải pháp kỹ thuật như nâng cấp mạng VSAT phục vụ công tác điều hành bay với Trung Quốc, thực hiện kết nối AIDC với Singapore, thử nghiệm AMHS với Lào, Campuchia, Hồng Kông, Singapore.

IV. Lĩnh vực kế hoạch và đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh luôn được thực hiện một cách chặt chẽ, linh hoạt và tuân thủ luật pháp. Các định hướng lớn xây dựng kế hoạch hàng năm đều bám sát vào kế hoạch trung hạn và thường xuyên cập nhật các chế độ chính sách, pháp luật mới của Nhà nước. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh luôn được tính toán, dự báo cơ bản chính xác, sát với thực tế, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả cao. Quy trình quản lý thực hiện kế hoạch thường xuyên được cập nhật, cải tiến, mang lại sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, đồng thời đảm bảo sự chặt chẽ trong kiểm tra, giám sát. Từng bước thực hiện quản lý chi phí bằng phương pháp xây dựng định mức khai thác các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Tổng Công ty cũng đã tập trung triển khai kế hoạch đầu tư các lĩnh vực cung cấp dịch vụ chủ lực của ngành nhằm tạo nền tảng vững chắc để chuyển sang phát triển kế hoạch giai đoạn 2021- 2025. Trong đó, đã hoàn thành đưa vào sử dụng có hiệu quả nhiều dự án quan trọng mang tính chiến lược như: Đài KSKL Cát Bi, Thọ Xuân, Tuy Hòa; Trạm Radar Sơn Trà; Cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật hàng không (eTOD) khu vực 2 sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất; Hệ thống thiết kế phương thức bay... Đồng thời, đang thực hiện theo tiến độ và đang tích cực triển khai công tác đầu tư cho các dự án trọng điểm như: Trung tâm KSKL Hồ Chí Minh; Cơ sở Kiểm soát tiếp cận- Đài KSKL Đà Nẵng; Đài KSKL Chu Lai, Phù Cát, Buôn Mê Thuột; các công trình bảo đảm hoạt động bay tại Cảng HKQT Long Thành; Trạm Radar sơ cấp, thứ cấp tại Nội Bài, Vinh, Quy Nhơn, Cam Ranh, Cà Mau; Trạm Giám sát tự động phụ thuộc (ADS-B) khu vực phía Nam;... của các sân bay trên cả nước và tổ chức triển khai thực hiện trên 150 dự án đầu tư mới, thay thế, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, v.v.

Theo kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, trong giai đoạn 2016-2020 toàn Tổng Công ty triển khai thực hiện 80 danh mục dự án (Cụ thể là

347 dự án lớn nhỏ) với tổng mức đầu tư của tất cả các dự án là: 11.396 tỷ đồng (Trong đó: Dự án nhóm A là 01 dự án và nhóm B là: 31 dự án).

Giá trị giải ngân các dự án trong các năm từ 2016 – 2020 (Đã bao gồm giá trị ước thực hiện giải ngân năm 2020) là: 1.164 tỷ đồng đạt 41,24% so với nhu cầu vốn được Bộ GTVT phê duyệt là 2.822 tỷ đồng, trong đó:

- Đã hoàn thành quyết toán: 37 dự án (bao gồm các dự án nhỏ lẻ), với giá trị quyết toán là 2.224 tỷ đồng.

- Chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025: 43 dự án (bao gồm các dự án nhỏ lẻ).

(Chi tiết như tại phụ lục 2 kèm theo)

V. Lĩnh vực tài chính:

Thực hiện mục tiêu quản lý tốt tiền vốn, tài sản, thời gian qua Tổng Công ty đã thực hiện rà soát, sắp xếp lại các vị trí công việc, bố trí lại một số nhiệm vụ của các bộ phận và chuyển đổi vị trí công việc trong các bộ phận liên quan đến công tác tài chính, kế toán; tổ chức, quản lý công tác hạch toán kế toán đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực và chế độ kế toán. Tổ chức theo dõi, quản lý vật tư, tài sản, tiền vốn, các khoản công nợ và các quỹ tài chính đầy đủ, chính xác; lập và nộp báo cáo tài chính, bảo quản và lưu trữ hồ sơ chứng từ kế toán đúng quy định của Nhà nước. Công tác công khai tài chính được thực hiện nghiêm túc.

Trước thực trạng thiếu nguồn vốn cho đầu tư phát triển, Tổng Công ty kịp thời đề xuất Bộ GTVT, Bộ Tài chính ban hành cơ chế trích khấu hao nhanh cho các tài sản cố định của Tổng Công ty nhằm bù đắp nguồn vốn đầu tư còn thiếu. Tổng công ty cũng đã kịp thời báo cáo Bộ GTVT và Bộ Tài chính về Đề án “Phân chia nguồn thu phí bay qua vùng trời và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý”, theo đó Phí bay qua vùng trời và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý đã được phân chia thành Phí bay qua vùng trời Việt Nam và Giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, áp dụng từ 01/01/2016 và Tổng Công ty cũng đã kịp thời báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét điều chỉnh mức giá dịch vụ tăng 15%, áp dụng từ 01/7/2016. Với cơ chế phí và giá mới, doanh thu của Tổng Công ty tăng khoảng 400 tỷ đồng/năm, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của Tổng Công ty về nguồn tiền đầu tư mới và nâng cấp, sửa chữa tài sản nhằm nâng cao năng lực điều hành bay và làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động như chính sách bảo hiểm xã hội, các chính sách phúc lợi khác.

Tổng Công ty đã tập trung giải quyết các vấn đề tồn đọng lớn về nợ phải thu khó đòi, vật tư hàng hóa tồn kho; chủ động xây dựng Quy chế Phối hợp

trong công tác cấp phép và thu tiền điều hành bay giữa Tổng Công ty và Cục HKVN, xử lý kiên quyết đối với các Hãng Hàng không chậm thanh toán. Nhờ các giải pháp này đã cơ bản thu hồi được các khoản nợ quá hạn và nợ khó đòi (quá hạn trên 06 tháng) của một số hãng hàng không bay qua, tính từ năm 2016 đến nay đã thu được tiền nợ khó đòi khoảng 20 triệu USD.

Bên cạnh đó đã kịp thời rà soát sửa đổi, xây dựng bổ sung gần 20 Quy chế quản lý nội bộ nhằm quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Tổng Công ty, cụ thể: Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty; Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay; Quy chế quản lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị; Quy chế Quản lý nợ; Quy chế quản lý hợp đồng;.... Đồng thời, tập trung rà soát tình hình quyết toán của các dự án đã nghiệm thu đưa vào sử dụng, nắm bắt kịp thời những khó khăn vướng mắc, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tháo gỡ đẩy nhanh tiến độ quyết toán. Vì vậy, công tác quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành đã có nhiều chuyển biến tích cực, tiến độ thanh quyết toán được đẩy nhanh hơn trước, quá trình thực hiện đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục hiện hành của Nhà nước. Một số dự án lớn đã hoàn thành công tác quyết toán như: Dự án các Đài KSKL Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ, Phú Quốc, Tuy Hòa, Cát Bi, Thọ Xuân; Dự án Cơ sở làm việc các đơn vị khu vực sân bay Gia Lâm; Dự án Trạm Radar sơ cấp, thứ cấp Sơn Trà; Dự án Trung tâm Kiểm soát không lưu Hà Nội....

VI. Lĩnh vực tổ chức cán bộ, lao động tiền lương:

Tổng Công ty đã hoàn thành xây dựng và thẩm định các Đề án, từ đó triển khai thực hiện tốt công tác tổ chức trong các Đề án đã được phê duyệt như: Đề án phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển Trung tâm Đào tạo- Huấn luyện nghiệp vụ Quản lý bay đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển Trung tâm Thông báo tin tức hàng đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Đề án thành lập Ban Quản lý dự án chuyên ngành Quản lý bay; Đề án thành lập Trung tâm Khí tượng hàng không...

Xây dựng kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2017-2020, báo cáo Bộ GTVT phê duyệt theo quy định. Hoàn thành việc tiếp nhận dịch vụ khí tượng hàng không; dịch vụ thủ tục bay; dịch vụ thông báo tin tức hàng không; dịch vụ kiểm soát mặt đất; dịch vụ đánh tín hiệu tàu bay lăn chuyển về từ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

Triển khai thực hiện bảo đảm theo quy trình, quy định các công việc thường xuyên liên quan đến công tác nhân sự và công tác tổ chức, cán bộ. Hằng

năm đều hoàn thành công tác xây dựng kế hoạch lao động và triển khai công tác tuyển dụng. Hoàn thành và trình Bộ GTVT phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo của Tổng Công ty do Bộ GTVT quản lý và hoàn thành thực hiện công tác rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016- 2021; hoàn thành xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021- 2026.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập năm sau cao hơn năm trước; Quy chế trả lương, trả thưởng đã được xây dựng khoa học hơn, phù hợp với tình hình thực tiễn của Tổng Công ty, đã tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động trong Tổng Công ty. Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ bắt buộc đối với người lao động như ăn ca, ăn định lượng, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ, cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân..., Tổng Công ty còn quan tâm tổ chức các chế độ mang tính chất phúc lợi đãi ngộ cho người lao động như nghỉ mát, tái tạo sức lao động, mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể cán bộ, công nhân viên, khuyến khích người lao động yên tâm công tác.

Trên cơ sở khả năng tài chính, hệ thống quản trị phù hợp với yêu cầu, Tổng Công ty được lựa chọn là một trong ba doanh nghiệp tham gia thực hiện thí điểm cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định thí điểm, Tổng Công ty đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến và chuẩn bị đầy đủ các nội dung cần thiết để đảm bảo tiến độ áp dụng thí điểm khi Nghị định được ban hành.

VII. Lĩnh vực đào tạo, huấn luyện:

Với những giải pháp đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới căn bản và toàn diện công tác đào tạo huấn luyện, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đã được phê duyệt tại Đề án Nâng cao năng lực, an toàn và chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Quyết định số 5129/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2014) và Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016- 2020 (Quyết định số 353/QĐ-BGTVT ngày 15/03/2016), đồng thời thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty được Cục HKVN phê duyệt tại Quyết định số 972/QĐ-CHK ngày 25/5/2015, trong giai đoạn 05 năm từ 2016- 2020, Tổng Công ty đã triển khai tổ chức được 3.413 khóa/45.502 lượt người tham gia đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ với tổng kinh phí cho công tác này là: 146,5 tỷ đồng.

Các khóa đào tạo trong nước tập trung thực hiện đào tạo cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên bảo đảm hoạt động bay, nhân viên an ninh kiểm soát, soi

chiều; huấn luyện tại chỗ (năng định, định kỳ, phục hồi, chuyển loại, nâng cao) đáp ứng yêu cầu cấp giấy phép, năng định; huấn luyện nâng cao về hệ thống quản lý an toàn và phổ biến nâng cao văn hóa an toàn; đấu thầu qua mạng; quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn vệ sinh lao động; v.v.

Đối với các khóa huấn luyện tại nước ngoài đã tập trung đào tạo chuyên sâu nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia về thiết kế, hoạch định, tổ chức vùng trời; huấn luyện chuyên sâu về chuyển đổi AIS sang AIM; huấn luyện về an toàn và các quy trình quản lý chất lượng trong hàng không dân dụng; hợp tác với Học viện Hàng không Saint-Petersburg (Liên bang Nga) tổ chức khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý hàng không. Huấn luyện về thông báo tin tức hàng không- Công ty Jeppesen (Mỹ), các chỉ số thực hiện an toàn (Bi), kỹ năng bảo trì và sửa chữa hệ thống (Singapore), thiết kế phương thức bay (Trung Quốc)....

Tổng Công ty thường xuyên tích cực phối hợp với Airways New Zealand tuyển chọn 19 học viên (năm 2015), 32 học viên (năm 2017) và 14 học viên (năm 2019) để đào tạo KSVKL theo đề án xã hội hóa (đào tạo bằng kinh phí do cá nhân tự chi trả).

VIII. Lĩnh vực quản trị, tái cơ cấu doanh nghiệp:

a. Tái cơ cấu doanh nghiệp:

Tổng công ty đang triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Phương án cơ cấu lại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 402/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2018, trong nội dung phương án có phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị thành viên của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020:

- Tổ chức sắp xếp lại các Ban Quản lý dự án của Tổng công ty theo hướng thành lập 01 Ban Quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Tổng công ty, hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Khí tượng hàng không là đơn vị trực thuộc Tổng công ty, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

Kết quả thực hiện:

- Hoàn thiện thành lập Ban Quản lý dự án chuyên ngành Quản lý bay và đã ổn định tổ chức, đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2020.

- Hoàn thành xây dựng và được phê duyệt Đề án Thành lập Trung tâm Khí tượng hàng không- Đơn vị trực thuộc Tổng công ty trên cơ sở tổ chức lại hệ thống cung cấp dịch vụ khí tượng hiện có, đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2021.

b. Quản trị doanh nghiệp:

- Rà soát lại mô hình tổ chức theo hướng phân quyền xuống đơn vị cơ sở, giảm đầu mối tham mưu tại khối cơ quan: Đã triển khai xây dựng và sửa đổi bổ sung điều lệ, các văn bản quản lý nội bộ, trong đó cơ phân công, phân cấp cụ thể cho các đơn vị, bao gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; của Công ty con và quy chế tổ chức và hoạt động các đơn vị trực thuộc.

- Tiến hành nâng cấp các Tổ an toàn thuộc các đơn vị thành Phòng An toàn - An ninh và tiến hành kiện toàn thành Phòng An toàn – Chất lượng và An ninh.

- Giám đầu mối tham mưu tại Khối cơ quan: Sáp nhập Ban Kế hoạch và Ban Đầu tư thành Ban Kế hoạch - Đầu tư; Giải thể Văn phòng Đoàn thể, sáp nhập nhiệm vụ Đoàn thể vào chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tổng công ty; Hoàn thành chuyển giao Đài KSKL Tuy Hòa, Trung tâm Tiếp cận- tại sân Cam Ranh từ Công ty QLB miền Nam về Công ty QLB miền Trung.

- Xây dựng và ban hành quyết định phê duyệt Đề án phát triển Trung tâm thông báo tin tức hàng không đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Đã hoàn thành: Tiến hành sáp nhập bộ phận ARO/AIS tại các sân bay Đà Nẵng, Nội Bài; bộ phận ARO tại sân bay Tân Sơn Nhất về Trung tâm Thông báo tin tức hàng không; Thành lập Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm ARO/AIS Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất, Cam Ranh thuộc Trung tâm Thông báo tin tức hàng không.

- Thành lập Tổ xây dựng “Đề án tổ chức lại hệ thống kỹ thuật của Tổng công ty” với nhiệm vụ xây dựng phương án sắp xếp tổ chức lại khối kỹ thuật theo hướng thành lập đơn vị kỹ thuật trực thuộc Tổng công ty với mô hình là các Trung tâm khai thác (NOC), Trung tâm bảo trì, sửa chữa, Trung tâm nghiên cứu phát triển.

- Triển khai nghiên cứu tổ chức khối không lưu trên cơ sở đánh giá, phân tích rõ thực trạng tổ chức cung ứng dịch vụ không lưu hiện tại, đánh giá tác động của việc tổ chức lại khối kỹ thuật, xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ không lưu đảm bảo phát huy hiệu quả các nguồn lực, đồng thời đảm bảo việc cung ứng dịch vụ không lưu được thực hiện một cách liên tục, an toàn, điều hòa, hiệu quả cho mọi chuyến bay.

- Triển khai nghiên cứu, xây dựng Đề án kiện toàn Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không thành một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty.

B. KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

I. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2019 (Chưa có tác động của dịch Covid):

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng:

a. Sản lượng điều hành bay: Trong giai đoạn 2016 – 2019, Tổng công ty thực hiện điều hành 3.403.305 lần chuyến, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,85%.

b. Km điều hành bay quy đổi: Thực hiện 5.783.148.332 km, tốc độ tăng trưởng bình quân 10,7%.

c. Chất lượng dịch vụ: Đảm bảo an toàn – điều hòa – hiệu quả 100% các chuyến bay.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

a. Tổng thu: Thực hiện 21.926.727.036.000đ, tốc độ tăng trưởng bình quân 11,7%.

b. Tổng doanh thu: Thực hiện 14.435.316.136.000đ, tốc độ tăng trưởng bình quân 13,6%.

c. Tổng chi: Thực hiện 9.367.224.748.000đ, tốc độ tăng trưởng bình quân 4,8%.

d. Lợi nhuận trước thuế: Thực hiện 5.059.099.304.000đ, tốc độ tăng trưởng bình quân 31,4%.

đ. Tổng số nộp NSNN: Thực hiện 11.138.904.684.000đ, tốc độ tăng trưởng bình quân 16,2%.

II. Kết quả ước thực hiện giai đoạn 2016-2020 (Trong bối cảnh chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19):

Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 do tác động của dịch Covid-19 khiến sản lượng điều hành bay, đặc biệt điều hành bay quá cảnh sụt giảm nghiêm trọng, dẫn đến sụt giảm doanh thu, Do vậy, trong giai đoạn 2016-2020 các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ước thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng:

a. Sản lượng điều hành bay: Trong giai đoạn 2016 – 2020, Tổng công ty ước thực hiện điều hành 3.826.748 lần chuyến, bằng 86,91% so với kế hoạch được duyệt (4.403.186 lần chuyến).

b. Chất lượng dịch vụ: Đảm bảo an toàn – điều hòa – hiệu quả 100% các chuyến bay.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

a. Tổng doanh thu: ước thực hiện 16.326.532.136.000 đồng, bằng 87,81% so với kế hoạch được duyệt (18.593.654.939.000 đồng).

b. Tổng chi: ước thực hiện 11.236.139.748.000 đồng, bằng 88,87% so với kế hoạch được duyệt (12.642.682.918.000 đồng).

c. Lợi nhuận trước thuế: ước thực hiện 4.956.177.851.000 đồng, bằng 85,49% so với kế hoạch được duyệt (5.797.398.817.000 đồng).

d. Tổng số nộp NSNN: ước thực hiện 11.992.126.450.000 đồng, bằng 86,26% so với kế hoạch được duyệt (13.901.609.470.000 đồng).

(Chi tiết như tại Phụ lục 1 kèm theo)

III. Đánh giá:

Trong giai đoạn 2016- 2019, công tác xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty mặc dù có nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, song dưới sự lãnh đạo của tập thể lãnh đạo, CB-CNV Tổng công ty và sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đặc biệt chú trọng công tác điều hành bay, công tác đảm bảo an toàn và bảo đảm kỹ thuật. Tích cực chỉ đạo đổi mới căn bản và toàn diện công tác kế hoạch, đầu tư xây dựng và công tác tài chính. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong giai đoạn này năm sau đều cao hơn năm trước và đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Chất lượng dịch vụ bảo đảm an toàn, điều hòa, hiệu quả cho 100% chuyến bay trong vùng trách nhiệm được giao.

Tuy nhiên, do đặc thù năm 2020 bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên bị sụt giảm nghiêm trọng, mức tăng trưởng rất thấp so với cùng kỳ các năm trước đó (chỉ bằng khoảng 45% so với thực hiện năm 2019). Nếu loại trừ sự ảnh hưởng của dịch COVID-19, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn của Tổng công ty đều vượt mức kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Sản lượng điều hành bay: ước đạt 100,14% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu: ước đạt 101,47% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: ước đạt 115,53% so với kế hoạch.
- Tổng số phải nộp NSNN: ước đạt 105,06% so với kế hoạch.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được:

Với sự chỉ đạo sát sao, quan tâm hướng dẫn kịp thời của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời với sự nỗ lực của tập thể CB-CNV, Tổng công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020, với các điểm nổi bật:

- Năng lực điều hành bay được tiếp tục được duy trì và nâng cao, thông qua sự cải thiện về năng lực khai thác của: hệ thống tổ chức vùng trời, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật và năng lực điều hành bay của Kiểm soát viên không lưu. Ước thực hiện trong cả giai đoạn, Tổng công ty đã điều hành bay an toàn tuyệt đối cho 3.798.894 chuyến bay.

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch được giao, quản lý chặt chẽ, bảo toàn, phát triển vốn, tài sản được Nhà nước giao, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí. Đời sống của người lao động được đảm bảo ổn định, thu nhập năm sau cao hơn năm trước.

- Công tác đầu tư - xây dựng giai đoạn 2016- 2020 của Tổng công ty đã được triển khai theo đúng pháp luật của Nhà nước, quy định của Tổng công ty. Thực hiện việc giám sát chặt chẽ, đảm bảo khối lượng, chất lượng công trình theo đúng thiết kế được duyệt. Công tác thẩm tra, thẩm định hồ sơ dự án tiếp tục được quan tâm đẩy nhanh với khối lượng lớn hồ sơ, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về cơ bản, cho đến nay công tác đầu tư đã và đang tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là đảm bảo công tác điều hành bay. Công tác đầu tư chưa có ảnh hưởng tiêu cực nào đến hoạt động điều hành bay của Tổng công ty cũng như nguồn thu của Tổng công ty.

Tổng công ty thường xuyên rà soát rất sát nhu cầu và khả năng đáp ứng vốn giải ngân của các dự án trong kế hoạch đầu tư, ưu tiên tập trung vốn cho các dự án đang triển khai thực hiện, tiếp tục tìm biện pháp bảo đảm nguồn vốn để triển khai một số dự án chưa có quyết định đầu tư nhưng có mức độ cần thiết cao; đã thực hiện dừng, giãn tiến độ đối với các dự án chưa thực sự cấp bách, các dự án còn đang gặp vướng mắc, chờ phê duyệt quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực được đặc biệt chú trọng trong giai đoạn này. Nhiều lao động đã được đào tạo, huấn luyện nâng cao trình độ tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và trên thế giới, có trình độ, năng lực chuyên môn tốt hiện đang đảm nhận các vai trò nòng cốt trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Tổng công ty. Nội dung đào tạo, huấn luyện sát với thực tế, đảm bảo cả kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng và thái độ làm; Chủ động trong việc bổ sung, cập nhật nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định mới và theo tiêu chuẩn ICAO. Tận dụng các nguồn tài trợ từ dự án JICA; chính phủ Hàn Quốc, KOICA Hàn Quốc, cơ quan quản lý nhà nước: Chính phủ, Bộ GTVT, Cục HKVN.

- Công tác quản trị doanh nghiệp từng bước áp dụng theo các phương pháp, công cụ hiện đại.

2. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân:

Tập thể cán bộ, công nhân viên lao động của Tổng công ty trong những năm qua luôn đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty. Tuy nhiên, trong quá trình cung cấp dịch vụ, điều hành sản xuất vẫn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

a. Trong công tác đảm bảo hoạt động bay: Còn để xảy ra một số vụ việc liên quan đến công tác cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, trong đó có nguyên nhân do ý thức chấp hành kỷ luật lao động, tuân thủ các quy trình, quy định chưa nghiêm.

b. Trong công tác đầu tư xây dựng:

Tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm chưa đạt so với kế hoạch được duyệt, tiến độ và giá trị giải ngân thấp so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

Nguyên nhân khách quan:

- Việc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch một số dự án trọng điểm hoặc chậm được giao đất, chưa đủ các điều kiện pháp lý để thi công. Cụ thể:

+ *Trung tâm Kiểm soát không lưu Hồ Chí Minh*: Do khu đất xây dựng bị ảnh hưởng của mở đường Phan Thúc Duyệt nên Tổng công ty phải lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu đất để UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Tổng công ty đã nộp nhiệm vụ lập đồ án điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 khu đất 22 Trần Quốc Hoàn tới Sở Quy hoạch kiến trúc Hồ Chí Minh. Ngày 28/10/2020, Cục HKVN đã có Công văn gửi Sở Quy hoạch kiến trúc Hồ Chí Minh đề nghị Sở xem xét và sớm phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch. Sau khi UBND Thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, Tổng công ty sẽ lập và nộp hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tới Sở Quy hoạch kiến trúc Hồ Chí Minh thẩm định, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt.

+ *Trung tâm kiểm soát tiếp cận và đài kiểm soát không lưu Đà Nẵng*: Tiến độ dự án chậm do giai đoạn chuẩn bị đầu tư kéo dài do chưa xác định được thời điểm cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu đất xây dựng.

+ *Đài KSKL Chu Lai*: Hiện tại, quy hoạch Cảng HKQT Chu Lai đang được điều chỉnh, việc thực hiện phụ thuộc vào nội dung quy hoạch do Vingroup thực hiện. Vì vậy chưa thể triển khai các bước tiếp theo. Dự án có nguy cơ phải kéo dài hoặc tạm dừng nếu quy hoạch có sự thay đổi hoặc kéo dài.

+ *Trung tâm Kiểm soát tiếp cận, đài Kiểm soát không lưu Cam Ranh*: Dự án chậm tiến độ do việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết kéo dài do khu đất Đài KSKL hiện hữu có sự chông lán về quy hoạch.

- Một số dự án lớn bị chậm tiến độ thực hiện, dẫn đến chậm giải ngân do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19: chính sách giãn cách, cấm tụ tập đông người của chính quyền một số địa phương; việc đi lại giữa các quốc gia bị hạn chế, các chuyên gia nước ngoài không thể sang Việt Nam thực hiện Hợp đồng do đó các Nhà thầu sau khi ký hợp đồng không thể triển khai, phải tạm hoãn, xin

gia hạn hợp đồng nhiều lần (*Trạm radar thứ cấp: Vinh, Cà Mau; Đài KSKL Buôn Mê Thuột; Nguồn DC cho các sân bay địa phương; Hệ thống dự báo thời tiết theo phương pháp số trị; Xây dựng Hệ thống CSDL Khí tượng quy mô toàn ngành...*).

- Quy định pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác đầu tư xây dựng, quản lý dự án có nhiều thay đổi nên còn nhiều khó khăn trong việc áp dụng quy định vào thực tế thực hiện đầu tư, cũng như phải sửa đổi, điều chỉnh lại dự án đối với nhiều dự án đã phê duyệt. Cụ thể, một số dự án lớn phải cập nhật lại dự toán theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT... (*Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Nội Bài; Cơ sở làm việc Công ty QLBT; Mạng giám sát ADS-B khu vực phía Nam; Xây dựng Hệ thống CSDL Khí tượng quy mô toàn ngành...*) dẫn đến công tác thẩm định, phê duyệt dự toán kéo dài, đồng thời làm chậm tiến độ giải ngân thanh toán cho các Nhà thầu.

- Thủ tục bàn giao đất, thuê đất, cấp phép, thỏa thuận về vị trí, phương thức khai thác của các cơ quan có thẩm quyền cũng bị kéo dài dẫn đến chậm công tác chuẩn bị dự án.

Nguyên nhân chủ quan:

- Hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ trong Tổng công ty tuy đã từng bước được xây dựng, hoàn thiện nhưng thực sự vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, còn có nhiều bất cập, mâu thuẫn ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ. Quy chế quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện còn phát sinh nhiều bất cập.

- Lực lượng nhân lực làm công tác đầu tư tuy đã được chú trọng tăng cường cả về số lượng và kiến thức chuyên môn, nhưng về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành còn rất nhiều hạn chế: hiểu biết về mục tiêu đầu tư, hiểu biết về quy trình, quy định đầu tư, hiểu biết về ngoại ngữ, công nghệ và đặc biệt là khả năng thực hành công tác đầu tư như: triển khai thực hiện dự án trên hiện trường, xử lý các tình huống phát sinh, đánh giá hiệu quả đầu tư.

c. Trong công tác quản trị doanh nghiệp:

- Tính tổ chức kỷ luật, tính chuyên nghiệp chưa cao, vẫn còn hiện tượng một số lao động chưa chấp hành nghiêm nội quy lao động, quy trình làm việc, phân công nhiệm vụ. Vẫn còn một bộ phận người lao động chưa thực sự tâm huyết; chưa phấn đấu học tập, nâng cao trình độ.

- Việc ưu tiên cho các đối tượng trực tiếp tham gia vào dây chuyền cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay là một chủ trương đúng đắn, được các cấp

lãnh đạo và người lao động trong Tổng công ty ủng hộ. Tuy nhiên, khi nâng mức chi trả đối với Khối Kiểm soát viên không lưu đã làm ảnh hưởng lớn đến thu nhập của các đối tượng còn lại vì Quỹ lương của Tổng công ty được xác định chung cho tất cả các đối tượng lao động, một đối tượng được điều chỉnh tăng sẽ làm giảm thu nhập của các đối tượng còn lại. Mặc dù đã có các biện pháp nâng mức chi trả cho các đối tượng trực tiếp tham gia vào dây chuyền cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác, nhưng vẫn còn tình trạng mất cân đối trong phân phối thu nhập tại Tổng công ty.

3. Một số bài học kinh nghiệm:

- Cần tăng cường năng lực dự báo, phân tích tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội - chính trị có khả năng tác động tới tình hình hoạt động của ngành hàng không nói chung và ngành quản lý bay nói riêng để có thể kiến nghị, đề xuất các giải pháp điều chỉnh kịp thời kế hoạch.

- Mạnh dạn nghiên cứu, đề xuất áp dụng các cơ chế về vốn, về hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở nêu bật được tính đặc thù hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ công ích của Tổng công ty, từ đó có cơ sở để tích tụ, tạo thêm nguồn lực để đảm bảo nâng cao năng lực, an toàn và chất lượng dịch vụ của Tổng công ty (tạo nguồn, tăng chi cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường duy tu, bảo trì bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật để duy trì hoạt động, kéo dài tuổi thọ trang thiết bị nhằm giảm bớt áp lực thiếu vốn đầu tư mới; tạo nguồn nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay...).

- Trong lĩnh vực đầu tư phát triển, Tổng công ty cần chủ động nghiên cứu các phương thức đầu tư mới, các giải pháp tìm nguồn vốn, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài, hạn chế trông đợi, phụ thuộc vào các nguồn vốn theo cơ chế sẵn có để đầu tư phát triển. Đồng thời tích cực nghiên cứu, chủ động đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đầu tư, tạo sự thống nhất khi vận dụng vào thực tế thực hiện dự án.

C. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021- 2025

1. Thường xuyên chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, tiếp tục đẩy mạnh áp dụng tự động hóa trong công tác điều hành bay, tiến tới nghiên cứu, chuẩn bị áp dụng hình thức tàu bay tự phân cách; tiếp tục triển khai áp dụng giảm phân cách trong các khu vực kiểm soát tiếp cận và đường dài; phân chia lại, tối ưu hóa trách nhiệm điều hành bay tại các khu vực có hoạt động bay cao. Tiếp tục triển khai quản lý luồng không lưu, phối hợp triển khai A-CDM theo từng vùng trời, sân bay. Tổ chức vùng trời phù hợp với môi trường CNS/ATM,

với mạng cảng hàng không, sân bay và với sự gia tăng đa dạng các đơn vị sử dụng vùng trời mới. Thiết lập và áp dụng cơ chế sử dụng vùng trời linh hoạt; tối ưu hóa tổ chức vùng trời, đường hàng không thông qua áp dụng dẫn đường theo tính năng (PBN). rà soát, sửa đổi và thiết kế các phương thức bay PBN (theo số liệu tọa độ WGS-84 đo đạc mới) đối với các cảng hàng không có mật độ bay cao hoặc địa hình phức tạp. Phối hợp thực hiện quy hoạch vùng thông báo bay (FIR) của Việt Nam, đồng thời tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp cùng lực lượng phòng không, không quân tham gia canh giữ bảo vệ vùng trời, chủ quyền biển đảo và việc bảo đảm điều hành an toàn các chuyến bay chuyên cơ.

2. Tổ chức lại và hoàn thiện mô hình cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho dịch vụ điều hành bay theo loại hình dịch vụ. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành lộ trình chuyển đổi từ thông báo tin tức hàng không (AIS) sang quản lý tin tức hàng không (AIM). Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ khí tượng bảo đảm trao đổi số liệu, dữ liệu, tin tức khí tượng nhanh chóng, kịp thời, chính xác, theo tiêu chuẩn ICAO. Tăng cường năng lực phối hợp tìm kiếm cứu nạn và kết nối, chia sẻ dữ liệu TKCN với các đơn vị trong và ngoài ngành; chuyên nghiệp hóa phương thức TKCN. Từng bước nghiên cứu, triển khai quản lý tin tức trên toàn Hệ thống quản lý thông tin mở rộng (SWIM); chia sẻ dữ liệu giữa các bên có liên quan đến hoạt động bay, giữa quân sự và dân dụng.

3. Hoàn thiện và duy trì hệ thống quản lý an toàn (SMS). Thiết lập và duy trì, cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng (QMS) của tất cả các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. Nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) đối với các nội dung đánh giá năng lực (KPA) để từng bước áp dụng đánh giá chất lượng công việc, năng lực của doanh nghiệp.

4. Tổ chức khai thác, vận hành tốt các trang thiết bị kỹ thuật được đầu tư; đảm bảo tính kế thừa, sử dụng tối đa năng lực của hệ thống hiện tại và đảm bảo hiệu quả đầu tư. Tiếp tục đầu tư các hệ thống trang thiết bị và trang thiết bị dự phòng, cơ sở hạ tầng hiện đại, đảm bảo cung cấp dịch vụ trong toàn bộ FIR của Việt Nam với độ chính xác và tin cậy cao; tiến tới phương thức quản lý khai thác tự động hoá, tập trung hoá và chuyên nghiệp hóa.

5. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cao để nắm bắt và làm chủ khoa học công nghệ chuyên ngành. Hoàn thiện hệ thống quản lý khoa học công nghệ, giải phóng năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển. Tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các quốc gia thuộc tiểu vùng, khu vực châu Á/Thái Bình Dương và trên thế giới để triển khai có hiệu quả kế hoạch tổng thể Quản lý không lưu ASEAN, kế hoạch nâng cấp các khối hệ thống hàng không (ASBU).

6. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kế hoạch theo hướng định mức hóa các chỉ tiêu kế hoạch. Quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân và tiến độ thực hiện các dự án trong kế hoạch được duyệt, trong đó chú trọng tập trung triển khai thực hiện các dự án trọng điểm và triển khai thực hiện đầu tư Dự án thành phần 2 của Cảng HKQT Long Thành. Hoàn thành và đưa vào khai thác: Trung tâm Kiểm soát không lưu Hồ Chí Minh; Đài KSKL Buôn Ma Thuột, Chu Lai; Trạm Radar Cà Mau, Quy Nhơn, Vinh, Nội Bài; Hệ thống Quản lý tin tức hàng không AIM. Tổ chức rà soát và tập trung đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án đã nghiệm thu đưa vào sử dụng đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Tích cực thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản theo quy định mới của Bộ Tài chính; quản lý chặt chẽ nguồn chi, bảo đảm tỷ suất lợi nhuận của đơn vị nhằm thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tổng Công ty.


7. Tổ chức công tác hạch toán, kế toán đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực, chế độ kế toán, chính sách tài chính và hệ thống báo cáo phù hợp. Quản lý thu- chi tài chính theo đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện nghiêm túc Luật phòng, chống tham nhũng. Theo dõi quản lý vật tư, tài sản, tiền vốn, các khoản công nợ và các quỹ tài chính đầy đủ, kịp thời và chính xác. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản trị tài chính tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp huy động vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển Tổng Công ty.

8. Tập trung phát triển đồng bộ, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng đảm bảo hoạt động bay, bao gồm cả hạ tầng công nghệ thông tin nhằm cải tiến công nghệ cung cấp dịch vụ, đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển; tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chủ yếu là các nội dung về công nghệ số, cơ sở dữ liệu và công cụ hỗ trợ ra quyết định.

9. Cải tiến mô hình và phương thức quản trị doanh nghiệp tiên tiến trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Nghiên cứu tái cơ cấu sắp xếp lại các dịch vụ cốt lõi theo hướng chuyên môn hóa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ nhằm phân định rõ trách nhiệm của cá nhân và tổ chức, hướng tới cải cách và giảm thủ tục hành chính. Đơn giản hóa quy trình ra quyết định gắn với trách nhiệm giải trình.

10. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng và đào tạo đội ngũ chuyên gia cao cấp có đủ năng lực tiếp cận, làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới trong

lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế; tập trung trang bị cho đội ngũ cán bộ quản lý các kỹ năng quản trị; xây dựng đội ngũ nhân viên hàng không đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước và ICAO, gắn bó, cống hiến xây dựng Tổng Công ty. Tiếp tục chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng chuyên môn nghiệp vụ bảo đảm hoạt động bay hướng đến khả năng tự kiểm soát và quản lý năng lực hệ thống bảo đảm hoạt động bay, giải quyết các yêu cầu phát triển chiến lược như hoạch định vùng trời, nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ điều hành mới. Tập trung đào tạo, huấn luyện cho giáo viên/huấn luyện viên để đáp ứng các yêu cầu quy định và xây dựng đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên có trình độ chuyên môn vững, có nghiệp vụ sư phạm để đảm bảo chất lượng huấn luyện; nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện cho đội ngũ sát hạch viên tiếng Anh.

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam xin trân trọng báo cáo! 

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- KSV CSH;
- Ban KSNB;
- Lưu: VT, KHĐT (An 03b).



Đoàn Hữu Gia

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

(Kèm theo Báo cáo số 790/BCT-QLB ngày 08/3/2021 của Tổng Giám đốc)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2019	TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN 2016-2019	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾT QUẢ THỰC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016-2020 ĐƯỢC DUYỆT	TĂNG GIẢM SO VỚI KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT	TỶ LỆ SỤT GIẢM SO VỚI KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT (%)	TỶ LỆ THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14
A	KẾ HOẠCH CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH											
I	Tên dịch vụ công ích											
	Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay											
II	Sản lượng dịch vụ công ích											
	Lần chuyển điều hành bay (LC)	733.999	805.999	890.398	972.909	9,85	423.443	3.826.748	4.403.186	-576.438	13,09	86,91
	<i>Trong đó</i>											
1	Điều hành bay đi đến	362.725	405.403	444.226	511.089	12,11	281.526	2.004.969	2.210.592	-205.623	9,30	90,70
2	Điều hành bay quá cảnh	371.274	400.596	446.172	461.819	7,55	141.917	1.821.778	2.192.594	-370.816	16,91	83,09
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH											
I	Tổng doanh thu	2.935.432.358	3.341.389.285	3.860.862.663	4.297.631.830	13,55	1.891.216.000	16.326.532.136	18.593.654.939	-2.267.122.803	12,19	87,81
II	Tổng chi	2.121.074.528	2.383.242.849	2.421.250.042	2.441.657.329	4,80	1.868.915.000	11.236.139.748	12.642.682.918	-1.406.543.170	11,13	88,87
III	Lợi nhuận trước thuế (Trước trích quỹ KHCN)	814.357.830	958.146.436	1.439.612.621	1.846.982.417	31,39	22.301.000	5.081.400.304	5.950.972.021	-869.571.717	14,61	85,39
IV	Trích quỹ KHCN		28.219.171	42.494.467	54.508.815			125.222.453	153.573.204	-28.350.751	18,46	81,54
V	Lợi nhuận trước thuế (Sau trích quỹ KHCN)	814.357.830	929.927.265	1.397.118.154	1.792.473.602	30,08	22.301.000	4.956.177.851	5.797.398.817	-841.220.966	14,51	85,49
VI	Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.215.998	182.483.970	274.797.552	352.490.336	30,06	4.460.200	974.448.056	1.153.322.688	-178.874.632	15,51	84,49
VII	Lợi nhuận sau thuế (Sau khi trích quỹ KHCN)	654.141.832	747.443.295	1.122.320.602	1.439.983.266	30,09	17.840.800	3.981.729.795	4.644.076.129	-662.346.334	14,26	85,74
VIII	Trích các quỹ	Theo quy định hiện hành của Nhà nước										
IX	Nộp ngân sách Nhà nước	2.205.740.397	2.460.676.822	3.015.924.988	3.456.562.243	16,15	853.222.000	11.992.126.450	13.901.609.470	-1.909.483.020	13,74	86,26

PHỤ LỤC 2 : ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 CỦA TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

(Kèm theo Báo cáo số: **890** /BC-QLB ngày **08**/03/2021 của Tổng Giám đốc)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
I	DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM A				1,620,000,000	200,000,000	1,000,000	-
1	Đài KSKL và các công trình đảm bảo hoạt động bay tại cảng hàng không quốc tế Long Thành	Sân bay Long Thành	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ và các công trình bảo đảm hoạt động bay khác	2018-2025	1,620,000,000	200,000,000	1,000,000	
II	DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM B				8,206,809,435	1,752,225,035	443,196,677	1,485,777,644
1	Trung tâm kiểm soát không lưu Hà Nội	Sân bay Gia Lâm	Đảm bảo tầm phủ 2048NMx2048NM, độ cao từ 0-100000ft, xử lý dữ liệu tối đa 18 radar, 23 trạm ADS-B, 25.000 kế hoạch bay, tối thiểu 16 kênh AIDC, 50 sân bay, 1000 loại tàu bay, 500 đường bay	2009-2016	710,160,000	67,932,945	67,932,945	667,642,799
2	Xây dựng đài KSKL Thọ Xuân	Sân bay Thọ Xuân, Thanh Hóa	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, hệ thống thông tin VHF A/G, G/G, điều khiển xa VHF, tổng đài, nguồn và phụ trợ	2015 - 2017	92,574,779	87,570,397	80,961,478	80,961,478
3	Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Sơn Trà.	Sơn Trà, Đà Nẵng	PSR/SSR và hiện thị đầu cuối tại APP/TWR Đà Nẵng (80;250NM)	2013 -2016	183,571,224	50,019,480	50,019,480	144,236,643
4	Đài KSKL Buôn Mê Thuột	Sân bay Buôn Mê Thuột	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, hệ thống thông tin VHF A/G, G/G, điều khiển xa VHF, tổng đài, nguồn và phụ trợ	2015-2019	80,000,000	55,429,759	2,230,848	
5	Trạm VSAT	Tổng công ty	Đánh giá và thay thế thiết bị hết niên hạn tại các trạm VSAT, tiếp tục đầu tư các trạm VSAT tại các cảng hàng không mới.	2018 - 2020	80,000,000	24,000,000	541,970	
6	Hệ thống Quản lý tin tức Hàng không AIM	Trung tâm TBTHK	Thực hiện chuyển đổi AIS sang AIM theo đúng lộ trình của ICAO	2017-2020	95,484,478	77,210,619	561,159	
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành sản xuất	Tổng công ty	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp tổng thể, ứng dụng quản lý kế hoạch, đầu tư, dự án; ứng dụng quản lý an toàn bay, quản lý kỹ thuật; quản lý cán bộ, CNV...	2017-2020	125,000,000	37,500,000	1,954,012	
8	Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Nội Bài	Sân bay Nội Bài	PSR/SSR tầm phủ đảm bảo phục vụ điều hành bay đường dài trong khu vực FIR Hà Nội	2016-2020	200,458,999	60,137,700	6,489,141	
9	Trạm radar thứ cấp Vinh	Sân bay Vinh	Tầm phủ 250NM cung cấp dịch vụ giám sát cho FIR HAN	2016-2020	129,288,235	103,403,588	15,925,562	
10	Trạm radar thứ cấp Cà Mau	Sân bay Cà Mau	Tầm phủ 250NM radar thứ cấp mode S	2016-2020	113,486,828	90,789,462	13,735,095	
11	Trạm radar thứ cấp Quy Nhơn	Sân bay Quy Nhơn	Tầm phủ 250NM radar thứ cấp mode S	2016-2020	132,100,000	112,285,000	25,598,313	
12	Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh	Radar sơ cấp băng S cự ly phát hiện 80NM radar thứ cấp mode S Enhanced surveillance cự ly 250NM	2017-2020	213,000,000	79,527,229	1,700,742	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
13	Đài KSKL Phù Cát (mới).	Sân bay Phù Cát	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị thông tin đất nổi không VHF-AM, đất VHF-FM, thiết bị tổng đài PABX...	2016-2019	89,083,385	89,083,385	56,071,000	
14	Cơ sở làm việc Công ty Quản lý bay miền Trung.	Công ty Quản lý bay miền Trung	- Công trình được thiết kế 5 tầng nổi + một tầng kỹ thuật mái và 01 tầng hầm. - Các công trình phụ trợ: Sân đường, cây xanh, công hàng rào, nhà bảo vệ, bể nước ngầm. - Hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; hệ thống điện chiếu sáng sinh hoạt trong và ngoài nhà; hệ thống điện nguồn; hệ thống thông gió; hệ thống điều hòa trung tâm VRV/VRF; hệ thống chống sét và tiếp đất; hệ thống tăng áp cầu thang bộ; hệ thống phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm sự cố; hệ thống thang máy; hệ thống LAN-TEL; hệ thống kiểm soát ra vào; hệ thống Camera giám sát; hệ thống quản lý toàn nhà BMS	2017-2020	140,000,000	112,000,000	1,378,360	
15	Cơ sở kiểm soát tiếp cận - Đài KSKL Đà Nẵng	Sân bay Đà Nẵng	Đầu tư đồng thời cơ sở tiếp soát tiếp cận và đài KSKL tại vị trí quy hoạch mới theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển của Cảng HKQT Đà Nẵng, mang lại hiệu quả đầu tư lâu dài, giảm chi phí dự án	2016-2022	650,000,000	45,500,000	141,355	
16	Trung tâm kiểm soát không lưu Hồ Chí Minh	Công ty Quản lý bay miền Nam	Xây dựng tòa nhà 04 tầng bao gồm phòng điều hành AACC, phòng thiết bị, phòng trực lãnh đạo.... Đầu tư 01 trung tâm ATCC/HCM mới, độc lập với trung tâm hiện tại	2016-2021	1,407,000,000	42,210,000	591,901	
17	Xây dựng mới đài KSKL Rạch Giá	Sân bay Rạch Giá	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, hệ thống thông tin VHF A/G, G/G, điều khiển xa VHF, tổng đài, nguồn và phụ trợ	2018 - 2021	80,000,000	24,000,000	-	Tạm dừng thực hiện
18	Trạm Radar thứ cấp Phú Quý		Phục vụ điều hành bay FIR Hồ Chí Minh	2019-2023	180,000,000	1,000,000	-	
19	APP/TWR Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh	Nâng cao năng lực điều hành bay và đảm bảo dự phòng về cơ sở cho APP/TWR Cam Ranh	2019-2023	210,000,000	1,401,797	667,288	
20	Đài KSKL Nà Sản	Sân bay Nà Sản	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị VHF, tổng đài...	2020-2023	98,000,000	500,000	-	
21	Xây dựng mạng thông tin mặt đất ATN và an ninh mạng	Tổng công ty	Quy hoạch mạng thông tin mặt đất ATN trên toàn quốc để phục vụ điều hành bay phù hợp với chiến lược của ICAO và kế hoạch của Việt Nam đảm bảo sẵn sàng kết nối với quốc tế	2019-2023	200,000,000	1,866,265	293,298	
22	Hệ thống phục vụ sửa chữa các hệ thống radar	Tổng công ty	Phục vụ sửa chữa, huấn luyện các (05) hệ thống radar mới Tổng công ty đang thực hiện đầu tư	2018-2020	180,000,000	54,000,000	43,933	
23	Đài KSKL Sapa	Sân bay Sapa	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị VHF, tổng đài...	2019-2022	98,000,000	500,000	-	
24	Đài KSKL Vinh	Sân bay Vinh	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị VHF, tổng đài...	2019-2022	101,833,000	509,165	-	
25	Cơ sở kiểm soát tiếp cận tại sân bay Vân Đồn - Cát Bi	Vân Đồn-Cát Bi	Thiết lập khu vực kiểm soát tiếp cận cho các cụm sân bay mới.	2019-2021	400,000,000	2,000,000	109,975	
26	Cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD) khu vực 2 và 3 của các sân bay Cát Bi, Cần Thơ, Liên Khương, VI, ĐH, PLK, PC	Trung tâm TBTHK	Hoàn thiện xây dựng, quản lý khai thác cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không	2018-2020	112,880,216	101,592,194	68,492,772	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
27	03 hệ thống radar thời tiết (Nhận chuyển giao từ Tổng công ty cảng hàng không)	Tổng công ty	Hệ thống radar thời tiết hỗ trợ công tác điều hành bay	2019-2020	380,000,000	380,000,000	-	
28	Cơ sở làm việc Trung tâm Quản lý luồng không lưu và Trung tâm Đào tạo huấn luyện nghiệp vụ Quản lý bay	Tổng công ty	Xây dựng trung tâm QLL và trung tâm ĐTHL đáp ứng nhu cầu phát triển của Tổng công ty	2018-2021	506,697,462	2,500,000	-	
29	Đài KSKL Cảng HK quốc tế Tân Sơn Nhất	Sân bay Tân Sơn Nhất	Bảm đảm năng lực cung cấp liên tục 24/24 giờ, tất cả các ngày trong năm các dịch vụ sau: Kiểm soát tiếp cận, kiểm soát tại sân, kiểm soát mặt đất, kiểm soát sân đỗ, kiểm soát hoạt động bay quân sự, diện tích sử dụng đất 2600 m2	2009-2013	400,637,000	24,856,499	24,856,499	330,596,440
30	Đài KSKL Cảng HK quốc tế Nội Bài	Sân bay Nội Bài	Bảm đảm năng lực cung cấp liên tục 24/24 giờ, tất cả các ngày trong năm các dịch vụ sau: Kiểm soát tiếp cận, kiểm soát tại sân, kiểm soát mặt đất, kiểm soát sân đỗ, kiểm soát hoạt động bay quân sự.	2002-2013	545,231,000	1,387,511	1,387,511	
31	Cơ sở làm việc của các đơn vị khu vực sân bay Gia Lâm	Sân bay Gia Lâm	Đáp ứng đủ diện tích làm việc cho hiện tại cũng như cho nhu cầu phát triển trong tương lai của các đơn vị trong TCT QLBNV tại khu vực sân bay Gia Lâm, đảm bảo đầy đủ các điều kiện làm việc cho công tác điều hành bay, tăng hiệu suất làm việc cho cán bộ công nhân viên.	2008-2013	272,322,829	21,512,040	21,512,040	262,340,284
III	DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM C				1,569,401,263	870,098,126	719,786,304	738,431,442
1	Hệ thống huấn luyện giả định không lưu cho Công ty QLBM B	Công ty QLBM B	Hệ thống huấn luyện giả định cho Đài KSKL với góc nhìn 360° (gồm cả chức năng kiểm soát, liên lạc thoại, ghi âm, bộ đàm điều hành, radar) với 01 vị trí giám sát bài tập, 01 vị trí giám sát kỹ thuật, 04 KSVKL, 05 phi công giả định, hệ thống hình ảnh.	2014-2015	68,137,011	133,009	133,009	41,576,033
2	Đài KSKL Cát Bi	Sân bay Cát Bi	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, hệ thống VHF A/G, G/G, VCCS, VSAT, ghi âm, tổng đài, nguồn và thiết bị phụ trợ	2013-2016	78,910,000	30,053,739	30,053,739	81,868,724
3	Hệ thống Quản lý số liệu điều hành bay	Trung tâm QLLKL	Đầu tư thiết bị phần cứng và đường truyền (máy chủ, máy trạm, bộ chuyển mạch, thiết bị lưu trữ...) và phần mềm hệ thống	2015-2018	9,774,304	9,681,304	9,005,204	9,005,204
4	Cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD) khu vực 2 sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất	Trung tâm TBTHK	Đáp ứng việc quản lý và khai thác eTOD khu vực 2 sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, đáp ứng được sự mở rộng và phát triển trong kế hoạch xây dựng hệ thống CSDL địa hình và chướng ngại vật Hàng Không của VN theo tiêu chuẩn ICAO tại tất cả các sân bay phù hợp với kế hoạch chuyển đổi AIS sang AIM	2014-2016	13,445,000	9,995,902	9,995,902	12,778,042
5	Hệ thống VHF A/G cho TWR, APP Đà Nẵng và thay thế các máy VHF A/G cho đài KSKL Phú Bài, Chu Lai, Phù Cát, Pleiku	Công ty QLBM T	Thay thế các thiết bị VHF đến tuổi thọ cần phải đầu tư mới	2015-2017	28,627,851	26,041,037	26,037,330	26,037,330
6	Thiết bị ghép kênh, modem vệ tinh tuyến VSAT, cáp quang Sơn Trà - ACC HCM và Quy Nhơn -Đà Nẵng	Công ty QLBM T, QLBM N	đáp ứng đủ các kênh thông tin liên lạc mới, đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc thông suốt	2015-2017	10,782,155	10,154,947	10,049,000	10,049,000

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
7	Đài KSKL Tuy Hòa (Vốn: TCT + VTM)	Sân bay Tuy Hòa	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, hệ thống VHF điều khiển xa, ghi âm, nguồn và phụ trợ	2015-2017	69,400,000	38,901,552	38,901,552	48,521,369
8	Phòng LAB MB, MN, MT	3 miền bắc, trung, nam	Đầu tư hệ thống phòng lab hiện đại, đa phương tiện nhằm tăng cường hiệu quả công tác đào tạo, huấn luyện cho cán bộ, công nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2015-2017	5,844,764	4,291,319	4,291,319	4,990,558
9	Hệ thống dự báo thời tiết theo phương pháp số trị	Tổng công ty	Hiện thị sản phẩm dự báo số trị trong vùng điều hành phục vụ cho việc cảnh báo thời tiết trong vùng điều hành bay	2017-2020	31,549,000	9,464,700	160,000	
10	Thay thế các thiết bị VHF	Tổng công ty	Thay thế các thiết bị VHF đến tuổi thọ cần phải đầu tư mới và đầu tư mới một số trạm VHF có chức năng điều khiển xa	2018	23,441,650	20,945,142	20,945,142	20,945,142
11	Hệ thống VHF dự phòng phân khu 1 tại TWR/BMT	Đài KSKL Buôn Mê Thuột	Tăng năng lực giải trợ, nâng cao hiệu quả và an toàn trong công tác điều hành bay tại phân khu 1 FIR HCM	2018	3,576,430	3,576,430	3,576,430	3,576,430
12	06 máy thu VHF cho trạm Bà Quẹo	Bà Quẹo	Thay thế hệ thống VHF	2016-2017	791,494	759,880	759,880	759,880
13	03 máy VHF dự phòng độc lập	Rạch Giá, Cà Mau, Cần Thơ	Thay thế các thiết bị VHF đến tuổi thọ cần phải đầu tư mới	2020	1,500,000		-	1,500,000
14	32 máy thu VHF	TT KSKL Hà Nội, trạm thông tin dẫn đường Mộc Châu, trạm radar thông tin Vinh, đài KSKL Cát Bi	Đảm bảo thay thế cho các máy hết niên hạn sử dụng theo quy định và dự phòng	2016-2017	4,652,428	4,064,666	4,064,666	4,064,666
15	VHF tần số dự phòng cho phân khu 3, 4, 5	Trạm radar thông tin Cà Mau, trạm radar thông tin Vũng Chùa	Hệ thống thiết bị thu phát VHF A/G tần số dự phòng cho phân khu 3,4,5. Cột anten tự đứng cao 45m	2017 – 2018	14,283,235	14,283,235	11,028,450	11,028,450
16	Cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD) khu vực 3 sân bay quốc tế Phú Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Quốc	Trung tâm TBTHK	Là cơ sở dữ liệu chủ yếu cho các phần mềm, hệ thống thiết kế phương thức bay; đáp ứng yêu cầu công bố dữ liệu địa hình và chướng ngại vật trọng yếu trong tập thông báo tin tức HK; đáp ứng kế hoạch chuyển đổi AIS-AIM	2017-2018	46,322,624	46,322,624	44,545,493	44,537,311
17	Cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD) khu vực 3 của 6 sân bay Quốc tế (NB, TSN, PHB, ĐN, CR, PQ) và khu vực 4 của 2 sân bay Quốc tế (NBA, TSN)	Trung tâm TBTHK	Là cơ sở dữ liệu chủ yếu cho các phần mềm, hệ thống thiết kế phương thức bay; đáp ứng yêu cầu công bố dữ liệu địa hình và chướng ngại vật trọng yếu trong tập thông báo tin tức HK; đáp ứng kế hoạch chuyển đổi AIS-AIM	2018- 2019	13,684,021	13,684,021	13,061,325	13,052,746

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
18	Hệ thống phần mềm thiết kế phương thức bay	Trung tâm TBTTHK	Thiết kế phương thức bay truyền thống và PBN, thiết kế vùng trời, đường Hàng không, đánh giá phương thức bay, đáp ứng kế hoạch chuyển đổi AIS-AIM	2017-2019	20,446,759	19,607,155	18,412,480	18,526,233
19	Hệ thống ATFM	Trung tâm QLLKL	Giảm sự quá tải không mong muốn cho KSVKL, tăng khả năng thông qua của vùng trời	2019-2020	20,000,000	16,000,000	-	
20	Hệ thống camera giám sát tại các cơ sở ĐHB	Tổng công ty	Đảm bảo an toàn an ninh hàng không tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại các cơ sở điều hành bay	2017 - 2019	52,710,737	52,710,737	41,988,309	46,135,188
21	Đầu cuối giám sát các cảng hàng không	Tổng công ty	hỗ trợ KSVKL trong công tác điều hành bay, quan sát vết bay của tàu bay và thực hiện huấn lệnh trong vùng trách nhiệm. Theo dõi quá trình thực hiện phương thức tiếp cận hạ cánh, phương thức khởi hành của tàu bay...(21 đầu cuối giám sát)	2016 - 2017	17,443,546	16,097,515	16,079,515	16,079,515
22	Xe ô tô đảm bảo hoạt động tại các đài trạm	Tổng công ty	Phục vụ công tác giao ca tại các đài, trạm	2016-2018	20,142,682	18,796,213	18,796,213	18,796,213
23	Cải tạo, nâng cấp mô hình 2D thành mô hình 3D cho các sân bay Tuy Hòa và sân bay Phú quốc mới	Hồ Chí Minh	Nâng cấp CSDL 3D cho sân bay TSN, Tuy Hòa và PQC (mới); nâng cấp phiên bản mới hệ thống giả định; thay mới 8 máy tính Image Generators (07 máy chính và 1 máy dự phòng) xử lý hình ảnh 3D của hệ thống Visual Simulator Subsystem	2017 - 2019	8,500,000	8,500,000	8,500,000	8,500,000
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho AACC/HCM	AACC/HCM	Đảm bảo vận hành cấp điện an toàn đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của hệ thống thiết bị điều hành bay	2016-2017	7,791,373	7,596,380	7,596,380	7,596,379
25	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lạnh cho AACC/HCM	AACC/HCM	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lạnh giải nhiệt cho các phòng máy, khu kỹ thuật, phòng huấn luyện, khu điều hành bay	2016-2018	11,244,954	10,566,472	10,566,472	10,566,472
26	Trang bị hệ thống MLAT tại NBA, DAN, TSN	NBA, TSN	Nâng cấp hệ thống A-SMGCS tại các sân bay NBA, TSN	Sau 2020	20,000,000		-	
27	Trạm VHF/ADS-B Tam Đảo	Tam Đảo	Phục vụ ĐHB phân khu 1, TMA Nội Bài	2019-2020	20,000,000	5,000,000	100,000	
28	Trạm VHF/ADS-B Pha Đin	Pha Đin	Phục vụ điều hành bay phân khu 1 FIR Hà Nội	2019-2020	20,000,000	5,000,000	100,000	
29	Trạm VHF/ADS-B Phú Quý	Phú Quý	Phục vụ điều hành bay phân khu 2, 5 của FIR Hồ Chí Minh	2019-2021	20,000,000	1,000,000	-	
30	Thiết bị VHF Đồng Hới	Đồng Hới	Phục vụ điều hành bay phân khu 3,4 FIR Hà Nội	2019-2020	2,000,000	2,000,000	-	
31	Nâng cấp ATM Hồ Chí Minh để xử lý dữ liệu ADS-B	QLBMN	Tiếp nhận và xử lý dữ liệu ADS-B	2018-2020	30,000,000	16,000,000	5,210,790	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
32	Các hệ thống quan trắc tại các sân bay Tuy Hòa, Đà Nẵng, Phú Bài	Tuy Hòa, Đà Nẵng, Phú Bài	Thay thế các hệ thống quan trắc hết niên hạn sử dụng	2019-2022	45,000,000	4,500,000	-	
33	Hệ thống VCCS, VHF cho các đài KSKL	Côn Sơn, Phú Quốc, Cà Mau, Rạch Giá, Cần Thơ, Liên Khương, Điện Biên, Đồng Hới, Vinh	Phục vụ điều hành bay tại các Đài KSKL sân bay khu vực miền Bắc, miền Nam đáp ứng quy định hiện hành của Việt Nam	2019-2020	36,000,000	10,800,000	412,142	
34	Đài KSKL Côn Sơn	Côn Sơn	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị VHF, tổng đài...	2020-2023	69,000,000	500,000	-	
35	Hệ thống D-ATIS tại Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất, Cam Ranh	Đà Nẵng, TSN, Cam Ranh	Hệ thống D-ATIS phục vụ điều hành bay	2019-2021	27,000,000	2,115,932	287,684	
36	Đài dẫn đường DVOR/DME Sapa	Sân bay Sapa	Đài dẫn đường DVOR/DME mới phục vụ điều hành bay	2019-2022	30,000,000	153,061	-	
37	Trạm VSAT Sapa	Sân bay Sapa	Trạm VSAT mới phục vụ điều hành bay	2019-2022	5,000,000	37,770	-	
38	Hệ thống AWOS Sapa	Sân bay Sapa	Hệ thống AWOS phục vụ điều hành bay	2019-2022	15,000,000	76,531	-	
39	Đài KSKL Chu Lai	Sân bay Chu Lai	Tháp chỉ huy, nhà điều hành và các công trình phụ trợ, thiết bị VHF, tổng đài...	2017-2019	77,411,841	52,816,386	429,900	
40	Trạm VHF cho phân khu 2 Buôn Mê Thuột	Buôn Mê Thuột	Hệ thống VHF phục vụ công tác điều hành bay	2019-2020	20,000,000	16,500,000	70,000	
41	Hệ thống AWOS Nà Sản	Sân bay Nà Sản	Hệ thống AWOS phục vụ điều hành bay	2020-2023	15,000,000	500,000	-	
42	Đầu tư thay thế VCCS Hồ Chí Minh	AACC/HCM	Phục vụ điều hành bay của AACC/HCM, APP Tân Sơn Nhất, SIM (50 vị trí VTDP)	2019-2020	35,000,000	10,500,000	-	
43	Mạng giám sát ADS-B khu vực phía Nam (11 trạm)	Khu vực phía Nam	Bổ sung và tăng cường năng lực hệ thống giám sát nhằm từng bước hoàn thiện dịch vụ giám sát hàng không dân dụng trong vùng thông báo bay FIR HCM phù hợp với công bố của AIP Việt Nam, nâng cao độ tin cậy và hiệu quả. Phù hợp với yêu cầu cung cấp dịch vụ giám sát tại ATCC Hà Nội và ACC HCM.	2018-2019	60,000,000	57,000,000	1,225,390	
44	Các máy chủ RHP và thiết bị mạng RDS LAN tại các trạm radar Nội Bài, Vinh, Cà Mau	Trạm radar Nội Bài, trạm radar SSR Vinh, trạm radar SSR Cà Mau	Thực hiện nâng cấp toàn bộ hệ thống máy chủ RHP và các thiết bị thuộc mạng RDS LAN tại trạm radar Nội Bài, Vinh, Cà Mau	2017-2018	43,265,631	7,896,006	37,122,072	
45	Xây dựng HT CSDL Khí tượng HK	Tổng công ty	Hệ thống CSDL khí tượng phục vụ công tác chuyên môn	2018-2020	45,145,469	4,514,547	-	
46	Thiết lập hệ thống VHF A/G và các thiết bị phụ trợ tại Đài KSKL Chu Lai phục vụ cho phân khu ủy quyền của ACC Hà Nội.	Đài KSKL Chu Lai	Đầu tư mới trạm VHF có chức năng điều khiển xa từ ACC	2015-2018	11,475,657	11,120,870	9,101,513	9,101,513

TT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	QUY MÔ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020	KẾT QUẢ ƯỚC THỰC HIỆN GIẢI NGÂN GIAI ĐOẠN 2016-2020	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
47	Cơ sở kinh doanh dịch vụ tại Trung tâm Văn hóa Hàng không	TTVHHK	Xây dựng nhà 2 tầng và các công trình tại Trung tâm văn hóa hàng không	2011-2018	14,996,042	1,000,000	1,000,000	
48	Các dự án khác	Tổng công ty	Các công trình phục vụ công tác điều hành bay và sản xuất kinh doanh của Tổng công ty	2016-2020	325,104,605	268,839,044	316,179,003	268,839,044
III	TỔNG CỘNG				11,396,210,698	2,822,323,161	1,163,982,981	2,224,209,086